**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN CHỢ MỚI**
TỈNH AN GIANG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 125 /2017/HNGĐ-ST.*
*Ngày: 8.8.2017*
*V/v tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn.*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Trần Thanh Bình.**

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà **Phan Thị Nga.**

2. Ông **Trương Phước Công.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Lê Hồng Duyên.**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà **Đoàn Thụy Thùy Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân gia đình "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2017/QĐXX-ST ngày 27 tháng 6 năm 2017giữa các đương sự:

*1.Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Thu H**– Sinh năm 1988. Địa chỉ: Số 468, tổ 19, ấp LQ 1, xã LĐB, huyện CM, tỉnh An Giang. Có mặt

*2.Bị đơn:* Ông **Trần Hải A** – Sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp LQ2, xã LĐB, huyện CM, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Hải A xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2013, chị và anh A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LĐB, huyện CM, tỉnh An Giang. Hôn nhân do mai mối, vợ chồng sống hạnh phúc đến 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách sống, bất

đồng về tài chính, không quan tâm vợ con. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2015 đến nay. Gia đình hai bên không giàn xếp, không đến hàn gắn. Nay nhận thấy tình cảm không còn xin ly hôn với Trần Hải A.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Hải Y, sinh 24.7.2014. Hiện con chung do chị H đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có.

Bị đơn anh Trần Hải A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh không đến tham gia tố tụng, không gửi ý kiến bằng văn bản, nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đối với anh A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh A chấp hành pháp luật tố tụng chưa nghiêm. Về giải quyết vụ án, hôn nhân giữa chị H và anh A là hợp pháp vì có đăng ký kết hôn. Vợ chồng mâu thuẫn và có thời gian dài ly thân không thể hàn gắn và chị H đang nuôi con, yêu cầu được ly hôn và tiếp tục nuôi con chung của chị H có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].*Về thủ tục tố tụng:* Anh Trần Hải A được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2].*Về nội dung*

[2.1].Hôn nhân giữa chị Trần Thị Thu H và anh Trần Hải A là hợp pháp vì anh chị có đăng ký kết hôn. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng vợ chồng mâu thuẫn kéo dài và không chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay, không ai quan tâm đến nhau. Qua xác minh tại địa phương cũng nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cự cải và không còn sống chung nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[2.2].Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Hải Y, sinh 24.7.2014 đang sống với chị H, chị H yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu

cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, con chung hiện chị H nuôi dưỡng cuộc sống đã ổn định. Vì vậy, nghĩ nên tiếp tục giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh A được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này, vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3].Về tài sản: Không có.

Về nợ chung: Ghi nhận chị H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[2.4].Về án phí hôn nhân sơ thẩm, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị H phải chịu án phí HNST là 300.000đ.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

***1**.Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của chị **Trần Thị Thu H** xin ly hôn anh **Trần Hải A.** Giấy chứng nhận kết hôn số: 156/2014 ngày 04.8.2014 của Ủy ban nhân dân xã LĐB, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho chị Hồng và anh A không còn giá trị pháp lý.

**2.***Về quan hệ con chung:* Chị Trần Thị Thu H được nuôi con chung tên Trần Hải Y, sinh 24.7.2014, anh A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh A được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này, vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

***3**.Về quan hệ tài sản:* Không có.

***4**.Về nợ chung:* Ghi nhận chị H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh

nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

***5.****Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0013693 ngày 10/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo kể từ ngày tuyên án. Riêng anh A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Thanh Bình**